TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2026/HS-PT
Ngày: 20 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2026/TLPT – HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Bùi Thị Mai H do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Bùi Thị Mai H; giới tính: nữ; sinh ngày: 16/10/1980; tại: tỉnh Thanh Hóa; số căn cước công dân: 038180009337; nơi đăng ký thường trú: 1269/30 Khu phố C, phường A, Quận A (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: 139/2 A, phường A, Quận A (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T10; con ông Bùi Anh T1 và bà Trịnh Thị H1; chồng: Nguyễn Hữu T2; con: có 01 người con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 01/02/2024 đến nay - tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:* Luật sư Đoàn Trọng N thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Công ty cổ phần X;

Trụ sở: A Trần Hưng Đạo B, Phường A, Quận E (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh*;*

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Mai A, sinh năm 1997 (có

mặt);

Địa chỉ: E N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Lê Văn Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến yêu cầu kháng cáo:* Công ty TNHH T10;

Trụ sở: 51A Vườn Lài, Khu phố D, phường A, Quận A (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Do ông Nguyễn Quốc D; Địa chỉ: 1 V, Khu phố B, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chức vụ: Giám đốc - đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH T10 Toàn (viết tắt là: Công ty T10), mã số doanh nghiệp: 0314168155, trụ sở: 139/2 A, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do Bùi Thị Mai H làm Giám đốc; được thành lập từ năm 2016, là Công ty TNHH Một Thành Viên, chủ yếu kinh doanh sắt thép cho các công trình xây dựng. Từ năm 2017, Công ty T10 kinh doanh thua lỗ, dẫn đến nợ hơn 7.000.000.000 đồng của nhiều công ty, gồm: Công ty CP T11 (nợ từ năm 2018, số tiền hơn 1.900.000.000 đồng); Công ty T12 (nợ từ năm 2018, số tiền hơn 1.100.000.000 đồng); Công ty Đ3 (nợ từ năm 2019, số tiền 554.000.000 đồng); Tập đoàn H8 (nợ từ năm 2018, số tiền hơn 2.100.000.000 đồng); Công ty TNHH T10 (viết tắt là Công ty T10; nợ từ năm 2017, số tiền hơn 1.800.000.000 đồng); và một số công ty khác với tổng số tiền khoảng 500.000.000 đồng (nợ từ năm 2017 - 2019). Bùi Thị Mai H còn làm Giám đốc Công ty TNHH T10 (viết tắt là: Công ty T10), mã số doanh nghiệp: 0317006836, trụ sở: số A A, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do làm ăn thua lỗ cần tiền trả nợ, H sử dụng đại diện pháp nhân Công ty T10 thép Thắng T3 và Công ty T10 đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Cụ thể như sau:

I. Hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần X (gọi tắt là: Công ty X).

Ngày 03/4/2020, mặc dù còn đang nợ tiền và không có hàng hóa tại công ty, không có hợp đồng cung ứng giàn giáo thi công công trình cho các đơn vị khác, nhưng Bùi Thị Mai H vẫn đại diện Công ty T10 thép Thắng T3 ký Hợp đồng số 030.CS.DD với Công ty X để thuê 347 tấn giàn giáo sắt thép (tương đương 436 bộ giàn giáo) kèm phụ kiện, có tổng giá trị khoảng 10.460.370.000 đồng, gồm: 18.270 cặp chéo kẽm 1960, mã hàng hóa CB.1611.01Z; 210 cặp chéo đen 1960, mã hàng hóa CB.1611.01; 300 cây cột chống đứng K2700-4200,

mã hàng hóa FA.2742.02; 800 cây cột chống đứng K3000-5000, mã hàng hóa FA.3050.02; 210 khung 1530 có nòng, ống 42 x 2.0, mã hàng hóa VF.5015B.04; 210 khung kẽm 1700B có nòng, mã hàng hóa VF.5017B.04Z; 18.060 khung kẽm 1700B có nòng di động, mã hàng hóa VF.5017C.04Z; 593 cái mâm 1600x400, móc đơn-xi mạ, mã hàng hóa CW.1604.01Z; 507 cái mâm L1600xW400, tole 1.5mm, mã hàng hóa CW.1604.01G.

Căn cứ nội dung Hợp đồng số 030.CS.DD và Phiếu đặt hàng của Công ty T10 thép Thắng T3, từ ngày 03/4/2020 đến ngày 31/7/2020, Công ty X giao cho Công ty T10 Toàn đủ 436 bộ giàn giáo kèm phụ kiện để sử dụng thi công kho của Công ty T10 Toàn, H cam kết lưu giữ các bộ giàn giáo thuê tại kho của Công ty T10 thép Thắng T3 tại địa chỉ: 1 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên sau khi nhận được hàng, H mang 236 bộ giàn giáo (tương đương với khoảng 9912 khung, 9912 chéo), phụ kiện (200 mâm và 300 cây chống) giao cho Nguyễn Quốc D - Giám đốc Công ty T10 theo 09 Phiếu xuất kho của Công ty T10 Toàn để cấn trừ số nợ khoảng 1.800.000.000 đồng. Đồng thời để có tiền trả các khoản nợ khác, H sử dụng Phiếu đặt hàng của Công ty T10 Toàn mang 200 bộ giàn giáo của Công ty X bán cho nhiều cá nhân (chưa xác định rõ là ai) thu về hơn 840.000.000 đồng để trả nợ (H không nhớ rõ trả nợ cho ai).

(1) Bùi Thị Mai H thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên và khai: Công ty T10 T3 ký hợp đồng với Công ty X để thuê 347 tấn giàn giáo sắt thép kèm phụ kiện nêu trên để phục vụ công trình kho của Công ty T10 thép Thắng T3. Tuy nhiên, mục đích thực sự của H là đem số giàn giáo kèm phụ kiện này về cho các đơn vị khác có nhu cầu thuê lại để hưởng số tiền thuê chênh lệch nhưng H không cho Công ty X biết rõ mục đích này vì thời điểm này Công ty T10 Toàn không có hợp đồng cung ứng giàn giáo thi công cho bất kì đơn vị nào. Bên cạnh đó, việc thi công công trình kho của Công ty T10 T3 chỉ là ý định của H, H chưa được cấp phép xây dựng, cũng như Hợp đồng thuê kho cũng không cho phép xây dựng, sữa chữa. Sau khi được Công ty X giao đầy đủ hàng, do nợ nần nên H đã giao 236 bộ giàn giáo cho Công ty T10 để cấn trừ số tiền nợ 1.800.000.000 đồng (có giấy tờ viết tay thể hiện), phần còn lại khoảng 200 bộ giàn giáo H bán cho nhiều người nhưng do không lập hóa đơn chứng từ hoặc ghi lại sổ sách nên không rõ lai lịch của những người đã mua. Để khách hàng không phát hiện giàn giáo kèm phụ kiện là tài sản của Công ty X, H đã cho sơn lại số giàn giáo trước khi bán, nhưng do không có thời gian nên H chỉ sơn được một số chi tiết của giàn giáo, còn lại vẫn để nguyên những đặc điểm thể hiện tài sản của Công ty X. H cho biết tình hình kinh doanh của Công ty T10 Toàn thực tế thua lỗ từ năm 2017, có nhiều công nợ với các công ty khác nhưng không đưa vào Báo cáo tài chính nên T4 khai thuế năm 2019 vẫn thể hiện kinh doanh lãi 50.313.509 đồng, những năm còn lại thể hiện không phát sinh hoạt động kinh doanh. Hiện nay, Công ty T10 T3 không còn bất kỳ tài sản nào.

(2) Ông Nguyễn Quốc D – Giám đốc Công ty T10 khai: H nợ ông D hơn 3.000.000.000 đồng, H đề nghị bán giàn giáo cũ đã qua sử dụng cho ông D để

trừ nợ. Sau đó, H giao cho ông D 236 bộ giàn giáo kèm phụ kiện, chi tiết gồm: 9.912 khung, 9.912 chéo, 200 mâm và 300 cây chống, với giá thỏa thuận là 2.184.000.000 đồng, có giấy giao hàng và Phiếu xuất kho của Công ty T10 thép Thắng T3; nhưng do H chi trả phí vận chuyển nên chỉ còn lại giá trị là 1.800.000.000 đồng. Theo Phiếu xuất kho của Công ty T10 thép Thắng T3, từ 10/6/2020 đến 30/6/2020, H giao hàng đầy đủ cho ông D, việc giao nhận hàng này đều được H lập Phiếu xuất kho của Công ty T10 thép Thắng T3. Sau khi mua số hàng trên, ông D bán lại cho nhiều người nhưng không ký hợp đồng mua bán, không lập hóa đơn nên không rõ lai lịch của những người này, chỉ có một khách hàng tên Nguyễn Công H2.

(3) Bà Nguyễn Thị H3 - Đại diện Công ty TNHH Đ4 (viết tắt là Công ty Đ4) khai: Vào ngày 28/7/2020, một người tên L (không rõ lai lịch) đến Công ty Đ4 giới thiệu bán giàn giáo đã qua sử dụng, nhưng Công ty Đ4 không có nhu cầu nên không mua. Tiếp đó, L đề nghị cho gửi số hàng tại kho của Công ty Đ4 và tìm người mua giúp số hàng, khi bán được thì chia lại 2% lợi nhuận. Khi đó, Công ty Đ4 yêu cầu Lượm phải đảm bảo số hàng là hợp pháp thì mới đồng ý cho gửi nên L đã cung cấp cho Công ty Đ4 giấy mua bán giàn giáo giữa Nguyễn Quốc D và Nguyễn Công H2. Đến ngày 31/7/2020, L chuyển đến kho Công ty Đ4 tại A ấp B, xã X, huyện H số giàn giáo gồm: 423 khung và 408 cây chéo để gửi. Đến cuối tháng 9/2020, do hàng hóa của Công ty Đ4 nhiều nên yêu cầu L vận chuyển hàng đi nơi khác. Sau đó, L vận chuyển toàn bộ số hàng gửi tại kho Công ty Đ4 đi đâu không rõ và thanh toán phí lưu kho 2.000.000 đồng.

(4) Trần Quan O, Nguyễn Quốc T5, Nguyễn Công D1, Nguyễn Kim H4, Hoàng Văn Đ1, Thái Kim L1, Nguyễn Văn T6 là các tài xế được thuê để chở giàn giáo từ Công ty X về giao lại cho Công ty T10 T3 khai: Các tài xế đều được liên hệ và nhận chở hàng cho Công ty X thông qua điện thoại, hiện không còn giữ thông tin số điện thoại của người đã liên hệ, khi được thuê chở hàng thì các tài xế được cho địa chỉ nhận hàng là kho Công ty X tại B đường K, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và giao về kho của Công ty T10 thép Thắng T3 tại địa chỉ 1 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nhận hàng từ Công ty X thì các tài xế không nhận được bất kỳ giấy tờ gì từ Công ty T10 thép Thắng T3, khi nhận hàng thì có ký tên người nhận hàng trên Phiếu giao hàng, Phiếu xuất kho và được giữ lại Phiếu xuất kho. Khi vận chuyển hàng đến kho của Công ty T10 thép Thắng T3, sau khi bốc xếp hàng vào kho, sẽ có người tự xưng là nhân viên Công ty T10 Toàn đến trả tiền mặt trực tiếp tại kho, hiện nay các tài xế không nhớ rõ người trả tiền là ai. Sau khi giao hàng và nhận tiền xong, các tài xế đã giao lại Phiếu xuất kho cho Công ty T10. Các tài xế xác định hàng từ Công ty X đã giao đầy đủ cho Công ty T10 thép Thắng T3. Các tài xế Đặng Văn P, Nguyễn Tuấn K, Phạm Ngọc G, Nguyễn Văn T7 Em chưa xác định được thông tin để mời làm việc.

(5). Ngày 30/3/2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận định giá tài sản số 1808/KL-

HĐĐGTS, kết luận: 347 tấn giàn giáo sắt thép, kèm phụ kiện của Công ty X cho Công ty T10 Toàn thuê có trị giá 7.050.689.000 đồng.

II. Hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của H5 kinh doanh cửa hàng M1 và Công ty Cổ phần T13:

(1). Hộ kinh doanh cửa hàng M1 (gọi tắt là Cửa hàng M1), mã số thuế: 0310159696, địa chỉ: C N, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Mỹ L2 làm Chủ cửa hàng: Ngày 16/4/2021, Công ty T10 và Cửa hàng M1 ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 208/ML21/HĐNT, với nội dung: Công ty T10 thép Thắng T3 thuê và Cửa hàng M1 đồng ý cho thuê các mặt hàng như: giàn giáo, chéo giáo, xà gồ, chống sắt, tôn sàn… để phục vụ cho việc thi công các công trình của Công ty T10 thép Thắng T3. Từ ngày 22/4/2021, Cửa hàng M1 cung cấp tất cả các mặt hàng có ký hiệu logo của Cửa hàng M1 đạt tiêu chuẩn quy cách, chất lượng, số lượng theo tiến độ của công trình mà Công ty T10 T3 yêu cầu. Trong thời gian thi công, Công ty T10 T3 phải có trách nhiệm quản lý thiết bị xây dựng, không được tự ý cắt hàn; nếu làm biến dạng, mất mát phải bồi thường 100% theo giá trị tài sản đã thể hiện trong hợp đồng và đơn đặt hàng. Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc nêu trên, từ ngày 22/4/2021 đến ngày 28/10/2021, Cửa hàng Mỹ L2 đã giao cho Công ty T10 Toàn các thiết bị xây dựng gồm 1.260 khung giàn giáo 1.70m (CĐ) kẽm, 1.260 cặp chéo 1.96m kẽm, 1.230 cái mâm 1.60m, 1.400 cây xà gồ H 5*5*3m kẽm, 250 cây xà gồ H 4*8*3m, 300 cây xà gồ H 5*10*3m, 500 cây xà gồ H 5*10*3m kẽm, 400 cây xà gồ H 5*10*4m kẽm, 900 cây chống nêm ϕ 49*2.5m kẽm, 630 cái đầu nối ϕ 42, với số tiền thuê tính đến ngày 20/07/2023 là 1.783.869.777 đồng. Cửa hàng M1 nhiều lần liên hệ H thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng và trả lại thiết bị xây dựng đã thuê nhưng H cố tình né tránh. Cửa hàng M1 không biết thiết bị xây dựng đã cho thuê hiện nay đang ở đâu.

(2). Công ty Cổ phần T13 (viết tắt là: Công ty T13).

Ngày 21/11/2023, Công ty T13 và Công ty T10 Toàn do Bùi Thị Mai H làm Giám đốc đã ký kết Hợp đồng dịch vụ thuê thiết bị xây dựng số 2111/2023/NGT-TT, với nội dung: Công ty T10 thuê để phục vụ việc thi công xây lắp của Công ty T10, tại công trình ở địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau đó, Công ty T13 tiếp tục ký kết với Công ty T10 Toàn các Phụ lục Hợp đồng, Bảng báo giá cho thuê thiết bị xây dựng, để cho thuê thêm các thiết bị xây dựng là giàn giáo từ Công ty T13, như sau: Phụ lục Hợp đồng số 2711/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 27/11/2023, số 2911/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 29/11/2023, số 3011/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 30/11/2023, số 0412/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 04/12/2023, số 0612/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 06/12/2023, số 0912/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 09/12/2023, số 1112/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 11/12/2023, số 1212/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 12/12/2023, số 2012/2023/PLHĐ-NGT-TT ngày 20/12/2023; Bảng báo giá cho thuê thiết bị xây dựng ngày 11/01/2024, ngày 17/01/2024. Căn cứ các văn bản đã ký kết, từ ngày 23/11/2023 đến ngày 29/01/2024, Công ty T13 đã giao thiết bị xây dựng cho Công ty T10 tại công trình ở xã H, huyện Đ, tỉnh Long An

do bà Bùi Thị Mai H ký bên nhận hàng, gồm: 2.690 khung giàn giáo 1.7m có đầu, 3.465 cặp chéo 1.96m, 300 cây xà gồ 50x100x4m, 1.300 cây xà gồ 50x50x4m, 9.800 cái kích U, L, 600 cái mâm giàn giáo, 907 cây chống đứng 2.5m, 6.978 cây thanh giằng 1.15m, 1.214 cây chống đứng 1.5m, 304 cây chống đứng 1.6m, 408 cây chống tăng 4.5m, 299 cây chống tăng 4m, 450 tấm tôn sàn 1x1m, 370 khung giàn giáo 1.7m không đầu, 1.100 cây chống đứng 2m, 1.800 cây thanh giằng 1m, 1.400 cây xà gồ 50x50x3m, 1.150 cây xà gồ 50x100x3m, 2.000 cái kích bằng L, 294 khung giàn giáo 1.5m có đầu, 111 khung giàn giáo 1.5m không đầu, 250 khung giàn giáo 0.9m không đầu, 250 cặp chéo 1.71m, 1.000 cây thanh giằng 0.5m, 183 cây chống đứng 1m, 150 cây chống đứng 3m, 450 cây tuýp ống phi 49 3m, 645 cây tuýp ống phi 49 6m, 750 cây xà gồ 50x50x2m, 430 cây tuýp ống phi 42 3m. Tính đến ngày 29/02/2024, số tiền thuê là 642.286.460 đồng, H đã trả 629.299.700 đồng, còn nợ 12.986.760 đồng.

Công ty T13 đã đến công trình của Công ty T10 tại địa chỉ xã H, huyện Đ, tỉnh Long An thì toàn bộ thiết bị đã thuê không còn ở công trình mà Công ty T10 đã bán lại cho Công ty TNHH S (viết tắt là Công ty S; địa chỉ: ĐT H, ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; do bà Chí Thị M, số điện thoại 0938.947.209 làm đại diện pháp luật) và đang được để tại kho của Công ty S tại địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(3). Bùi Thị Mai H thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên và khai: Sau khi nhận các thiết bị là giàn giáo của Công ty T13, vào khoảng tháng 11/2023, Công ty T10 T3 do Bùi Thị Mai H làm Giám đốc và Công ty S do bà Chí Thị M làm Giám đốc có ký Hợp đồng nguyên tắc mua bán số 01/2023/TT-LTT với nội dung Công ty T10 bán cho Công ty S các thiết bị xây dựng hàng cũ đã qua sử dụng hoặc mới với nhiều mặt hàng như thép ống hộp các loại, giàn giáo, chống, mâm… (đây là một phần tài sản H đã chiếm đoạt của Công ty T13 trước đó). Mục đích Công ty S mua các thiết bị xây dựng để cho thuê hoặc bán lại để kiếm lời. Từ ngày 05/11/2023 đến ngày 31/12/2023, Công ty T10 đã bán cho Công ty S các thiết bị xây dựng và giao tại kho của Công ty S, địa chỉ: Nguyễn Văn B, Ấp G, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo 03 Phiếu xuất kho của Công ty T10 thép Thắng T3 do Bùi Thị Mai H lập, gồm 02 bộ giàn 1m50, 100 cái mâm giàn, 220 cây chống tăng 4m, 100 tấm tôn sàn copa, 3.500 kg xà gồ 5x5x1m đến 3m dài, 493 cái kích U+Bằng; với tổng trị giá 94.480.000 đồng. Toàn bộ số thiết bị xây dựng trên, Công ty S đã bán cho các khách hàng lẻ cùng với các thiết bị xây dựng khác nên không thể xác định chính xác các thiết bị xây dựng mua của Công ty T10 bán lại cho khách hàng nào.

III. Hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty TNHH G1 (gọi tắt là: Công ty G1).

Trong quá trình điều tra, ngày 09/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra có tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của ông Trần Xuân H6 – Phó Giám đốc Công ty TNHH G1 (viết tắt là Công ty G1), địa chỉ: Lô C, Ô, Đường D, KCN S, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (cũ) tố giác Bùi Thị Mai H - Giám đốc Công ty T10 thép Thắng T3 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 1470 khung giàn

giáo H khung 1700x2.0 – CĐ, MK và 1470 cặp giằng chéo 1960 mm x 1.4, MK, thông qua việc ký kết Hợp đồng thuê giàn giáo số: SAKILEASE-GG-2134 ngày 20/05/2021.

Vào ngày 22/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra có Công văn số 27327/CSKT-Đ2 gửi Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc nhập nguồn tin về tội phạm của Công ty Saki vào vụ án nêu trên để điều tra xử lý theo quy định. Quá trình điều tra, Bùi Thị Mai H thừa nhận hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 1470 khung giàn giáo H khung 1700x2.0 – CĐ, MK và 1470 cặp giằng chéo 1960 mm x 1.4, MK, thông qua việc ký kết Hợp đồng nêu trên của Công ty G1.

Ngày 04/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc với bà Nguyễn Thị Mỹ L2 - Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng M1 và ông Ngô Văn H7 – Giám đốc Công ty T13 có yêu cầu như sau: Cửa hàng M1 bị Công ty T10 Toàn do Bùi Thị Mai H làm Giám đốc lừa đảo chiếm đoạt các thiết bị xây dựng là giàn giáo kèm theo phụ kiên như trên với trị giá tại thời điểm cho thuê do Cửa hàng M1 xác định là 1.341.860.000 đồng. Công ty T13 bị Công ty T10 Toàn do Bùi Thị Mai H làm Giám đốc lừa đảo chiếm đoạt các thiết bị xây dựng là giàn giáo kèm theo phụ kiện như trên với trị giá tại thời điểm cho thuê do Công ty T13 xác định là 4.125.157.800 đồng. Ngày 26/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc với ông Đỗ Đình N1 – Đại diện Công ty G1 theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2023 của ông Trần Xuân H6 - Phó Giám đốc có yêu cầu như sau: Công ty G1 bị Công ty T10 Toàn do Bùi Thị Mai H làm Giám đốc lừa đảo chiếm đoạt thiết bị xây dựng với trị giá tại thời điểm cho thuê do Công ty G1 xác định là 780.570.000 đồng.

Đối với việc xác định giá trị giàn giáo xây dựng kèm theo phụ kiện mà H chiếm đoạt của Công ty X, Cửa hàng M1, Công ty T13, Công ty G1, H đồng ý xác định giá trị thiết bị xây dựng mà H đã chiếm đoạt của các công ty nêu trên theo giá do các công ty tự xác định trị giá giàn giáo kèm theo phụ kiện mà H chiếm đoạt của: Công ty X là 7.050.689.000 đồng; Cửa hàng M1 là 1.341.860.000 đồng; Công ty T13 là 4.125.157.800 đồng; Công ty G1 là 780.570.000 đồng. Tổng trị giá tài sản, H chiếm đoạt của Công ty X, Cửa hàng M1, Công ty T13, Công ty G1 là 13.298.276.800 đồng.

Ngày 26/02/2025, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành phố Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Kết luận định giá tài sản số 1288/KL-HDĐGTS từ chối thực hiện việc định giá đối với tài sản các Công ty bị chiếm đoạt.

IV. Hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty TNHH S1 (viết tắt là Công ty S1).

Bùi Thị Mai H đã sử dụng pháp nhân Công ty T10 Toàn ký hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số 157/20/HĐCTTB ngày 10/08/2020 với Nguyễn Ngọc T8 - Giám đốc, đại diện theo pháp luật Công ty S1 với tổng trị giá các thiết bị là 1.339.700.000 đồng. Từ ngày 10/8/2020 đến 01/10/2020, sau khi nhận đủ các

thiết bị giàn giáo, kèm theo phụ kiện trong hợp đồng thuê thiết bị xây dựng trên, Bùi Thị Mai H đã không sử dụng đúng mục đích thuê mà bán toàn bộ số thiết bị nêu trên cho nhiều người (không rõ họ tên, địa chỉ) lấy tiền trả các khoản nợ trước đây của H. Do bị Công ty S1 nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nêu trên nên H đã tiếp tục ký hợp đồng mua bán số 02-21-HĐMB ngày 30/10/2021 với Công ty S1 thỏa thuận mua lại toàn bộ số thiết bị xây dựng đã thuê trên với trị giá hợp đồng là 1.339.700.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay H vẫn không thực hiện theo thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số thiết bị trên với trị giá là 1.339.700.000 đồng.

Kết quả điều tra đến nay, xác định trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2023, bị cáo Bùi Thị Mai H đã dùng thủ đoạn đưa các thông tin gian dối để ký các hợp đồng thuê giàn giáo và các thiết bị kèm theo của các Công ty Cổ phần X; Hộ kinh doanh cửa hàng M1; Công ty Cổ phần T13; Công ty TNHH G1; Công ty S1; rồi bán lấy tiền để trả nợ và sử dụng cho mục đích cá nhân, tổng giá trị tài sản Bùi Thị Mai H chiếm đoạt của 05 bị hại trong vụ án là 14.637.976.800 đồng.

V. Kết quả trưng cầu giám định.

Ngày 31/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 500-04/QĐ-PC03-Đ8 gửi Phòng K1 Công an Thành phố H để trưng cầu giám định chữ ký của Bùi Thị Mai H và hình dấu Công ty T10 Toàn trên: 44 Đơn đặt hàng; 01 Phiếu giao hàng; 98 Giấy giới thiệu do Bùi Thị Mai H, giám đốc Công ty T10 ký tên, đóng dấu giới thiệu các tài xế đến nhận hàng của Công ty X; giám định chữ ký, chữ viết và hình dấu Công ty T10 Toàn trên Hợp đồng mua bán, Phiếu xuất kho, Biên bản bàn giao hàng giàn giáo giữa Công ty T10 và Công ty T10 để làm căn cứ xử lý đối với Bùi Thị Mai H.

Ngày 13/11/2023, Phòng K1 Công an Thành phố H có Kết luận giám định số 5829/KL-KTHS kết luận: Chữ ký và hình dấu trên 44 Đơn đặt hàng, 01 Phiếu giao hàng, 98 Giấy giới thiệu là của Bùi Thị Mai H và Công ty T10; chữ ký, chữ viết và hình dấu trên Hợp đồng mua bán, Phiếu xuất kho, Biên bản bàn giao hàng gián giáo giữa Công ty T10 và Công ty T10 là của Bùi Thị Mai H và Công ty T10.

VI. Về dân sự: Đại diện Công ty X yêu cầu Bùi Thị Mai H bồi thường 7.050.689.000 đồng; đại diện Cửa hàng M1 yêu cầu bồi thường 1.341.860.000 đồng; đại diện Công ty T13 yêu cầu bồi thường 4.125.157.800 đồng; đại diện Công ty G1 yêu cầu bồi thường 780.570.000 đồng; đại diện Công ty S1 yêu cầu bồi thường 1.339.700.000 đồng. Hiện bị cáo Bùi Thị Mai H chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 178/CT-VKS-P3 ngày 13/3/2025 và Công văn số 166/VKS-P3 ngày 12/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố bị cáo Bùi Thị Mai H để xét xử về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là: Bộ luật Hình sự).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 22/2026/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Bùi Thị Mai H 18 (mười tám) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/01/2026 bị hại Công ty cổ phần X (công ty X) kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để bổ sung yêu cầu Công ty TNHH T10 và Công ty Đ5 liên đới chịu trách nhiệm hình sự, dân sự cho Công ty cổ phần X và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại có kháng cáo Công ty cổ phần X (có bà Bùi Thị Mai A là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra giải quyết lại vụ án do có bỏ lọt tội phạm. Bị cáo Bùi Thị Mai H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Bị hại kháng cáo cho rằng việc điều tra truy tố xét xử có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ vì quá trình điều tra giải quyết vụ án đã xác định hành vi của bị cáo H, công ty T10 nhận giàn giáo của bị cáo H không biết tài sản do hành vi phạm tội mà có, nên không có cơ sở xem xét. Bị hại kháng cáo nhưng không có tình tiết mới nên không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Công ty T10 biết rõ tài sản là của công ty X. Quá trình điều tra truy tố cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực hiện việc đối chất, lời khai bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án đã chứng minh hành vi của ông D. Bản án sơ thẩm cho rằng quá phạm vi xét xử nhưng trách nhiệm của Tòa án nếu có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm thì phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Việc cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét hành vi của 02 đại diện pháp luật của công ty này là không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại của bị hại là không có căn cứ chấp nhận, vì bị cáo không có ý kiến về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo. Phía bị hại không chứng minh được vụ án có vi phạm về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã hồ sơ điều tra bổ sung, cơ quan điều tra đã có kết luận không có

căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị Mai H như sau:

Do kinh doanh thua lỗ, Công ty TNHH T10 T3 (do Bùi Thị Mai H làm Giám đốc) nợ hơn 7.000.000.000 đồng của nhiều công ty và không có hàng hóa tại công ty, đồng thời không có hợp đồng cung ứng giàn giáo thi công công trình cho các pháp nhân, công ty khác. Trong khoảng thời gian từ năm 2020 – năm 2023, bị cáo Bùi Thị Mai H đã lợi dụng danh nghĩa là giám đốc Công ty T10 thép Thắng T3 và Công ty T10 đưa ra thông tin gian dối để ký kết các hợp đồng thuê giàn giáo và các thiết bị kèm theo của Công ty X, Cửa hàng M1, Công ty T13, Công ty G1 và công ty S1; sau khi nhận được tài sản, H mang cấn trừ nợ, bán lấy tiền để trả nợ và sử dụng vào mục đích cá nhân hết, chiếm đoạt tài sản của 05 bị hại trong vụ án với tổng số tiền là 14.637.976.800 đồng.

Với phương thức, thủ đoạn phạm tội nêu trên, bị cáo Bùi Thị Mai H đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể như sau:

(1). *Chiếm đoạt tài sản của Công ty X, do ông Nguyễn Tiến Đ2 - Tổng Giám đốc làm đại diện:*

- Ngày 03/4/2020, H đại diện Công ty T10 Toàn ký kết Hợp đồng số 030.CS.DD với Công ty X, thuê 347 tấn giàn giáo sắt thép (tương đương 436 bộ giàn giáo) kèm phụ kiện, có tổng giá trị khoảng 10.460.370.000 đồng. Sau khi nhận được tài sản thuê nêu trên, H đã mang cấn trừ nợ, bán và cho toàn bộ; chiếm đoạt tài sản của Công ty X theo Kết luận định giá tài sản có trị giá là 7.050.689.000 đồng.

(2). *Chiếm đoạt tài sản của Cửa hàng Mỹ L2, do bà Nguyễn Thị Mỹ L2 chủ cửa hàng làm đại diện.*

Ngày 16/04/2021, H đại diện Công ty T10 Toàn ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 208/ML21/HĐNT với Cửa hàng M1, thuê các mặt hàng (giàn giáo, chéo giáo, xà gồ, chống sắt, tôn sàn…). Từ ngày 22/04/2021 đến ngày 28/10/2021, Cửa hàng M1 đã giao cho Công ty T10 Toàn các thiết bị xây dựng theo hợp đồng, với số tiền thuê tính đến ngày 20/07/2023 là 1.783.869.777 đồng. Sau khi nhận được tài sản thuê trên, H đã mang cấn trừ nợ và bán cho nhiều cá nhân, đơn vị (không xác định được thông tin do không xuất hóa đơn) hết toàn bộ; chiếm đoạt tài sản của Cửa hàng M1 (do bà Nguyễn Thị Mỹ L2 làm chủ) có trị giá xác định là 1.341.860.000 đồng.

(3). Chiếm đoạt tài sản của Công ty T13, do ông Ngô Văn H7 – Tổng Giám đốc làm đại diện.

Ngày 21/11/2023, H đại diện Công ty T10 ký kết Hợp đồng dịch vụ thuê thiết bị xây dựng số 2111/2023/NGT-TT với Công ty T13; từ ngày 23/11/2023 đến ngày 29/01/2024, hai bên tiếp tục ký kết các Phụ lục Hợp đồng, Bảng báo giá cho thuê thiết bị xây dựng và Công ty T13 đã giao các thiết bị xây dựng theo hợp đồng cho bên thuê. Tính đến ngày 29/02/2024, tổng số tiền thuê là 642.286.460 đồng, H đã trả 629.299.700 đồng, còn nợ 12.986.760 đồng. Sau khi nhận được tài sản thuê trên, H đã mang bán toàn bộ cho Công ty S và nhiều cá nhân, đơn vị khác (không xác định được thông tin do không xuất hóa đơn); chiếm đoạt tài sản của Công ty T13 có trị giá xác định là 780.570.000 đồng.

(4). Chiếm đoạt tài sản của Công ty G1, do ông Trần Xuân H6 - Phó Giám đốc làm đại diện ký kết hợp đồng.

Ngày 20/5/2021, H đại diện Công ty T10 thép Thắng T3 ký Hợp đồng thuê giàn giáo số: SAKILEASE-GG-2134 với Công ty G1. Từ ngày 24/12/2021 đến ngày 07/01/2022, Công ty G1 đã giao cho Công ty T10 Thắng Toàn các thiết bị xây dựng theo hợp đồng. Từ ngày 23/12/2021 đến ngày 16/02/2022, H đã 05 lần chuyển tiền cọc với tổng số tiền là 93.000.000 đồng. Sau đó, H không thanh toán và đã mang bán toàn bộ tài sản thuê trên, sử dụng để trả các khoản nợ (không nhớ trả cho ai); chiếm đoạt tài sản của Công ty G1 có trị giá xác định là 780.570.000 đồng.

(5). *Chiếm đoạt tài sản của Công ty S1 do bà Nguyễn Ngọc T9 – Chủ tịch Hội đồng thành viên làm đại diện pháp luật.*

Ngày 10/08/2020, H đại diện Công ty T10 Toàn ký kết Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng số: 157/20/HĐCTTB, kèm theo 17 Phụ lục hợp đồng với Công ty S1; Công ty S1 đã giao cho Công ty T10 các thiết bị xây dựng theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng. Từ ngày 10/08/2020 đến ngày 01/10/2020, Công ty T10 đã nhận hàng 18 lần và đều thanh toán tiền cọc bằng tiền mặt với số tiền 6.722.000 đồng/01 lần nhận hàng, tổng số tiền cọc đã trả là 120.996.000 đồng; đồng thời, có trả tiền thuê thiết bị 02 tháng đầu. Sau khi nhận được tài sản thuê, H đã mang bán toàn bộ sử dụng để trả nợ (không xác định được trả cho ai); chiếm đoạt tài sản của Công ty S1 có trị giá xác định là 1.339.700.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, bị cáo Bùi Thị Mai H đã chiếm đoạt của 05 bị hại với số tiền tổng cộng 14.637.976.800 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng tiêu cực đến sự hoạt động bình thường về tài chính doanh nghiệp của bị hại và gây mất trật tự, trị an xã hội. Bị cáo là giám đốc, đại diện pháp luật của doanh nghiệp, có kiến thức pháp luật nhất định trong hoạt động kinh doanh và nhận thức được hành vi thực hiện là không đúng quy định pháp luật; nhưng với động cơ tư lợi bất chính vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để phạm tội

với lỗi cố ý trong thời gian dài, thể hiện thái độ bất chấp, xem thường pháp luật. Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H mức án 18 năm tù là có căn cứ.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị, chỉ có bị hại Công ty cổ phần X kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra giải quyết lại vụ án vì cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Công ty TNHH T10 và Công ty Đ5.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số: 279/2025/HSST-QĐ ngày 09/9/2025; trong đó có yêu cầu: *"Điều tra làm rõ tài sản bị can Bùi Thị Mai H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của bị hại trong vụ án mang tiêu thụ (là vật chứng) để có biện pháp thu hồi tài sản, khắc phục hậu quả vụ án; cũng như xem xét hành vi của cá nhân, tổ chức đã mua tài sản do bị can Bùi Thị Mai H phạm tội mà có, nếu có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định pháp luật".*

Tại bản Kết luận điều tra bổ sung số 1514/BLK-CSKT-Đ2 ngày 22/10/2025, Cơ quan điều tra đã xác định không đủ căn cứ xử lý hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do Bùi Thị Mai H phạm tội mà có đối với ông Nguyễn Quốc D - Giám đốc Công ty T10 và bà Chí Thị M – Giám đốc Công ty S.

Vậy, nội dung Công ty X kháng cáo yêu cầu đã được Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung, nhưng Cơ quan điều tra không xử lý, Viện kiểm sát không truy tố nên trong giới hạn của việc xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 298 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Tuy nhiên, lời khai của bị cáo H có trong hồ sơ vụ án thể hiện 436 bộ giàn giáo, kèm phụ kiện chiếm đoạt của Công ty X (là vật chứng vụ án), bị cáo H đã mang 236 bộ giàn giáo (khoảng 9912 khung, 9912 chéo), phụ kiện (200 mâm và 300 cây chống) tiêu thụ giao cho ông Nguyễn Quốc D (giám đốc Công ty T10) để cấn trừ số nợ 1.800.000.000 đồng; ông D biết trên hàng hóa có logo của Công ty X nên yêu cầu H phải sơn để che logo thì mới nhận. Đồng thời, để có tiền trả các khoản nợ khác, H bán cho Công ty Đ5 và nhiều cá nhân thu về hơn 840.000.000 đồng để trả nợ. Căn cứ vào lời khai của bị cáo H thì nội dung kháng cáo của bị hại là cơ sở để xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền điều tra, làm rõ hành vi của các cá nhân, pháp nhân có liên quan theo yêu cầu kháng cáo của bị hại.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại về việc hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại vụ án.

[5] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Kiến nghị cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền điều tra, làm rõ hành vi của các cá nhân, pháp nhân có liên quan theo nội dung nhận định nêu trên.

[7] Bị hại Công ty cổ phần X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Công ty cổ phần X về việc hủy Bản án sơ thẩm đề điều tra, giải quyết lại vụ án.

1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HSST ngày 12/01/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Mai H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Bùi Thị Mai H 18 (mười tám) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.2. Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Kiến nghị Cơ quan tiến hành tố tụng cấp thẩm quyền điều tra, làm rõ hành vi của các cá nhân, pháp nhân có liên quan theo nội dung nhận định của Bản án phúc thẩm.

3. Bị hại Công ty cổ phần X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG Chí Hòa – T30 (Tống đạt cho bị cáo)
- BH (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 21b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên